**MÔN TOÁN:**

**Tiết 94 Bài 61: LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ. (Trang 10)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được các chữ số La Mã; sử dụng được các chữ số La Mã để viết các số trong phạm vi 20.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5 phút** | **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
|  | - Nhìn vào hai chiếc đồng hồ treo tường em thấy có điểm gì giống và khấc nhau?  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát tranh khởi động, nói lên được hình ảnh bạn gái và bố đang ở trong một cửa hiệu bán đồng hồ  - HS nêu lên được những loại đồng hồ khác nhau: đồng hồ treo tường, đồng hồ đeo tay, đồng hồ cát, đồng hồ để bàn, ...  - Giống nhau: Có các số từ 1 đến 12, đều có 3 kim…  - Khác nhau: Có cái ghi bằng chữ số. Có cái ghi bắng những kí hiệu khác.  - HS lắng nghe. |
| **10 phút** | **2. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết được các chữ số La Mã; sử dụng được các chữ số La Mã để viết các số trong phạm vi 20.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
|  | **1. Nhận biết chữ số La Mã:**  GV cho HS quan sát mặt đồng hồ treo tường có ghi các chữ số La Mã và giới thiệu với HS;    Các số ở mặt đồng hồ được ghi bằng một số chữ số La Mã thông dụng.  - Yêu cầu HS quan sát để nhận ra trong mặt đồng hồ có những chữ số La Mã nào được dùng.  - GV giới thiệu người ta thường sử dụng các chữ số La Mã sau để các số, cụ thể:  + Sử dụng chữ số I để viết số 1, đọc là một, + Sử dụng chữ số V để số 5 đọc là năm;  + Sử dụng chữ số X để viết số 10, đọc là mười.  **2. Sử dụng chữ số La Mã để viết các số trong phạm vi 20**  - GV đưa bảng thứ nhất gồm 2 hàng, 10 cột như trong SGK (để trống) rồi hướng dẫn HS viết các số La Mã từ 1 đến 20 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã, kết hợp với việc liên hệ các số thể hiện trên mặt đồng hồ.  - GV ghi số 1 vào bảng rồi hướng dẫn, để ghi số 1 bằng chữ số La Mã, ta sử dụng chữ số I, ghi tiếp 1 vào bảng ứng với cột số 1.  - GV ghi tiếp số 2 vào bảng rồi gợi ý: Để viết số 2, ta có thể sử dụng chữ số La Mã như thế nào?  - GV hướng dẫn HS nhớ cách ghép các chữ số La Mã.  => GV kết luận, để viết số 2, đầu tiên ta viết chữ số I (thể hiện số 1), sau đó ta viết tiếp chữ số I ở bên phải nữa (để thể hiện là thêm vào 1 đơn vị), GV viết II vào cột số 2  - Tương tự như vậy với số 3.  - Đối với số 4, GV lưu ý cho HS, chúng ta không sử dụng 4 chữ số I mà sử dụng chữ số V (thể hiện số 5), sau đó viết chữ số I ngay bên trái chữ số V (để thể hiện là bớt đi 1 đơn vị), ta có số 4, GV viết IV.    - Tương tự, GV hướng dẫn HS cách dùng chữ số La Mã để viết các số còn lại đến 20. GV lưu ý cho HS cách viết số 9 (tương tự với số 4), số 14 (viết chữ số X. thể hiện số 10, sau đó viết tiếp bên phải nhóm chữ số IV, thể hiện thêm 4 đơn vị nữa, ta được số 14), số 19 (viết chữ số X, thể hiện số 10, viết tiếp bên phải nhóm chữ số IX, thể hiện thêm 9 đơn vị nữa, ta được số 19).    - GV gọi một số em lên bảng viết các chữ số La Mã theo yêu cầu.  - Nhận xét, tuyên dương. | - Quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời theo ý hiểu.  - HS đọc.  - Có thể cho HS quan sát mặt đồng hồ để nêu cách viết.  - Lớp viết bảng con |
| **15phut** | **3. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết, đọc, viết được các chữ số La Mã; sử dụng được các chữ số La Mã để viết các số trong phạm vi 20.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
|  | **Bài 1.**  **a) Đọc các số sau (Làm việc cá nhân)**  I, II, IV, VI, VIII, IX, XI, X, XX  **b) HS viết vào bảng con.**  Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 3, 5, 12, 19.  - GV lưu ý kiểm tra và cho HS nêu lại cách  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2).**  **Chơi trò chơi: “Đố bạn”** Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0416/bai-2_1.PNG  - GV mời HS nhận xét.  - GV Nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 3:**  **a) (Làm việc nhóm 2)** Dùng que tính xếp các số sau bằng chữ số La Mã: 2, 4, 9, 10,11, 20.  - GV mời HS đọc đề bài.  - Mời các nhóm lên thực hành.  **b)** HS thực hiện cá nhân và chia sẻ cách xếp số với cả lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - Nối tiếp đọc các chữ số La Mã.  - Viết bảng con  + 3: III ; 5: V ; 12:XII ; 19:XIX.  - HS hoạt động nhóm đôi, một bạn hỏi, một bạn trả lời. Một vài nhóm HS trình bày kết quả của mình trước lớp    - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Mỗi HS dùng que tính xếp 3 số |
| **5 phút** | **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học xong bài học.  - Cách tiến hành: | |
|  | **Bài 4: Đố em?**   |  |  | | --- | --- | | a) Có 3 que tính xếp thành số 6 bằng chữ số La Mã như hình bên. Em hãy chuyển chỗ một que tính để được số khác.  b) Với 3 que tính em có thể xếp được những số nào bằng chữ số La Mã? | https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0416/bai-4_2.PNG |   - GV Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng những HS làm nhanh.  - Qua bài học hôm nay em được biết thêm điều gì?  - GV giới thiệu một số tình huống con người sử dụng chữ số La Mã trong thực tiễn, chẳng hạn: Người ta dùng các chữ số La Mã để viết số, chữ số La Mã thường thấy ở trên các mặt đồng hồ, trong các đề mục, các chương của quyển sách, ...  - Nhận xét tiết học. | a) HS thảo luận nhóm 4, quan sát hình minh hoạ, dùng que tỉnh xếp thành số 6 bằng chữ số La Mã, sau đó nếu các cách nhấc một que tính, xếp lại để có số khác, chẳng hạn: IV.  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0416/tr-loi-bai-4_1.png  b) HS thực hành xếp que tính và chia sẻ kết quả của mình.  Với 3 que tính em có thể xếp được các số 3, 4, 6, 9, 11 bằng chữ số La Mã. |
|  | **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..............................................................................................................................................................................................................................................  ..............................................................................................................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................................................................................................ | |

----------------------------------------------------